

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9A1 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ	GD CD	Công nghệ	GD TC	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	ĐTB các	Lớp cũ	Ghi chú
1	Dương Ngọc Quỳnh Anh	15/3/2008	Nữ	9.7	9.3	9.5	10	9.6	9.4	10	9.8	9.3	9.8	Đ	Đ	Đ	9.5	9.6	8A1	
2	Nguyễn Hoàng Kim Bảo	16/2/2008	Nam	8	8.6	8.2	9.5	7.7	8.4	9	6	8.1	9.1	Đ	Đ	Đ	7.5	8.2	8A1	
3	Nguyễn Phú Cảnh	17/11/2008	Nam	6.5	7.7	6.6	9	6.2	7.6	8.1	6	7.2	7.3	Đ	Đ	Đ	5.9	7.1	8A1	
4	Phan Nguyên Chương	1/1/2008	Nam	9.2	9.4	8.8	9.6	8.8	9.1	9.3	9.7	8.9	9	Đ	Đ	Đ	8.7	9.1	8A1	
5	Huỳnh Thanh Diễm	9/10/2008	Nam	7	7.5	6.6	8.9	6.2	8	8.2	5.8	7	8.4	Đ	Đ	Đ	5.6	7.2	8A1	
6	Võ Khánh Duy	5/4/2008	Nam	7.4	5.6	5.6	7.9	5.1	6.3	7.6	5.6	6.9	6.3	Đ	Đ	Đ	7	6.5	8A1	
7	Võ Quốc Đại	27/6/2008	Nam	5.3	5.2	4.2	7.1	5	5.9	5	3.6	6.3	5.7	Đ	Đ	Đ	5.3	5.3	8A1	
8	Lê Văn Đua	11/4/2008	Nam	8.7	8.8	8.7	9.4	8.9	9	9.4	8.6	8.8	9.4	Đ	Đ	Đ	8.3	8.9	8A1	
9	Trần Thanh Hải	25/11/2008	Nam	7.4	8.6	6.3	8.3	5.3	7.5	8.6	4.8	7.2	8.2	Đ	Đ	Đ	6.5	7.2	8A1	
10	Trần Nhựt Hào	2/11/2008	Nam	6.3	6.5	5.8	7.2	5	7.7	7.7	5.3	6.8	6.4	Đ	Đ	Đ	6.2	6.4	8A1	
11	Hồ Gia Huy	7/10/2008	Nam	6.3	7.1	4.8	7.5	5.4	7.3	8	5.2	7.5	6.8	Đ	Đ	Đ	6.5	6.6	8A1	
12	Nguyễn Phú Hưng	20/6/2008	Nam	5.8	8.1	6	7.3	6.6	7.4	8	5.6	6.9	7.6	Đ	Đ	Đ	5.5	6.8	8A1	
13	Lý Vĩnh Khoa	27/5/2008	Nam	9.9	9.7	9.8	9.7	9.7	9.4	10	9.8	9.6	9.7	Đ	Đ	Đ	9.5	9.7	8A1	
14	Nguyễn Đàm Anh Khoa	22/9/2008	Nam	6.8	8	6.5	8.2	7.4	7.7	8.3	6	7.8	8	Đ	Đ	Đ	6.7	7.4	8A1	
15	Phan Thị Lắm	18/10/2008	Nữ	6.7	7.7	6.1	8.9	7.2	8.1	8.8	6.6	8.4	8.4	Đ	Đ	Đ	6.1	7.5	8A1	
16	Võ Thị Phương Lý	12/1/2008	Nữ	8.9	8.5	9.3	9.2	8.5	8.8	9.3	8.4	8.9	9.2	Đ	Đ	Đ	7.2	8.7	8A1	
17	Đặng Thành Nghĩa	6/9/2008	Nam	5.5	5.8	4.5	7.7	5.7	6.4	7.2	4.1	7.4	6.4	Đ	Đ	Đ	7.3	6.2	8A1	
18	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	29/5/2008	Nữ	8.4	8.8	8.4	9	8.5	8.8	9.2	7.3	8.5	9.3	Đ	Đ	Đ	7.4	8.5	8A1	
19	Lý Bảo Nhân	3/9/2008	Nữ	5.5	6.5	4.7	8.4	6	7.2	7.1	5.1	7.9	6.3	Đ	Đ	Đ	5.6	6.4	8A1	
20	Nguyễn Hoàng Nhung	1/11/2008	Nữ	6.1	5.7	5.8	7.9	5.7	6.6	7.7	4.9	7.4	6.7	Đ	Đ	Đ	5.7	6.4	8A1	
21	Võ Văn Phú	13/5/2008	Nam	6.7	7.2	5.6	7.5	5.8	6.6	7.5	4.7	7	7.9	Đ	Đ	Đ	6.7	6.7	8A1	
22	Hồ Minh Quân	19/10/2008	Nam	5.4	5.5	4.9	6.8	5	6.8	6.2	4.7	6	7.2	Đ	Đ	Đ	7.1	6	8A1	
23	Nguyễn Thị Ngọc Sương	15/12/2008	Nữ	8.4	8	9.1	8.8	7.8	8.5	9	7.1	8.3	8.3	Đ	Đ	Đ	8.7	8.4	8A1	

24	Trần Sơn Thái	12/5/2008	Nam	6.1	7.1	6.1	7.6	7.2	7.3	8.4	5.2	7	7.2	Đ	Đ	Đ	7.2	6.9	8A3	
25	Nguyễn Thị Kim Thảo	29/6/2008	Nữ	6.3	7.3	5.7	8.3	7.3	7.9	8	5.5	8.6	7.8	Đ	Đ	Đ	6.2	7.2	8A1	
26	Nguyễn Văn Thiện	9/3/2008	Nam	6.2	6.1	5	7.1	5	7.2	7	4.7	7	6.9	Đ	Đ	Đ	5.1	6.1	8A1	
27	Lê Minh Thuận(b)	3/4/2008	Nam	7.1	6.7	7.1	7.4	5.3	7.5	6.9	5	7.4	7.2	Đ	Đ	Đ	6.4	6.7	8A1	
28	Trần Quốc Thuận	3/4/2008	Nam	7.2	7.9	6.4	8.9	7.2	8.3	7.3	5.7	8.4	7.2	Đ	Đ	Đ	8	7.5	8A1	
29	Nguyễn Minh Toàn	16/5/2008	Nam	6	5.2	6.1	7.7	6.1	7.6	8.2	4.3	7.5	7.2	Đ	Đ	Đ	5.5	6.5	8A1	
30	Hồ Văn Trung	26/7/2008	Nam	7.5	7.2	7.2	8.3	6.9	8.3	7	7.5	7.6	7.9	Đ	Đ	Đ	6.1	7.4	8A1	
31	Trần Huỳnh Văn	6/8/2008	Nam	5.6	6	4.1	6.9	5	5.3	6.5	5.1	6.9	6.5	Đ	Đ	Đ	5.3	5.7	8A1	
32	Lê Thị Thảo Vy	10/3/2008	Nữ	7.3	5.8	5.6	7.5	7.4	7.5	7.6	5.9	7.4	6.4	Đ	Đ	Đ	5.8	6.7	8A1	
33	Phan Yến Vy	23/7/2008	Nữ	6	5.5	5.4	8.4	6.4	7.8	7.6	5.7	7	6.3	Đ	Đ	Đ	6.4	6.6	8A1	
34	Phạm Như Ý	27/2/2008	Nữ	6.1	6.7	5.8	9	7.3	8.5	7.9	5.4	8.6	6.9	Đ	Đ	Đ	6.2	7.1	8A1	
35	Lê Thị Hải Yến	12/7/2008	Nữ	8	8.3	6.4	9.1	8.1	8.3	9.1	6.5	8.3	8.3	Đ	Đ	Đ	6.8	7.9	8A1	

Danh sách này gồm có 35 học sinh.

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9A2 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ	GD CD	Công nghệ	GD TC	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	ĐTB môn	Lớp cũ	Ghi chú
1	Lê Tuấn Anh	18/12/2008	Nam	6.4	6.6	5.6	7.7	6.7	8.2	7.1	5.8	7.1	8.2	Đ	Đ	Đ	5.8	6.8	8A2	
2	Lê Gia Bảo	24/7/2008	Nam	5.4	5.9	5.1	6.9	6.3	6.9	5.9	5.1	7.1	7.1	Đ	Đ	Đ	5.4	6.1	8A2	
3	Lê Hoài Bảo	21/11/2008	Nam	5.1	5.6	5.7	7.1	6.8	7.2	7.8	7.4	8.1	7.1	Đ	Đ	Đ	6.9	6.8	8A2	
4	Phạm Gia Bảo	13/10/2008	Nam	5.1	6.1	6.2	7.1	6.8	7.4	7.3	5.2	7.1	7.3	Đ	Đ	Đ	6	6.5	8A2	
5	Nguyễn Ngọc Châu	19/4/2008	Nữ	4.9	6.2	6.4	8.3	7.5	7.7	7.6	6.4	7.7	8	Đ	Đ	Đ	5.7	6.9	8A2	
6	Trương Thị Mỹ Duyên	2/4/2008	Nữ	5.2	6.7	5.9	6.7	7.5	8	7.5	5.7	7.8	7.4	Đ	Đ	Đ	6.8	6.8	8A2	
7	Phạm Hoàng Quốc Đại	16/4/2008	Nam	6	5.9	7.1	7.3	6.8	7.1	7.9	5.2	6.7	8.4	Đ	Đ	Đ	6.9	6.8	8A2	
8	Nguyễn Sơn Hà	19/6/2008	Nam	5.8	5.3	5	7	6	7.7	6.9	4.5	6.6	7.3	Đ	Đ	Đ	6.1	6.2	8A3	
9	Nguyễn Nhựt Hà	19/6/2008	Nam	4.6	5.6	4.5	7.7	6.9	8	7.6	5	7.6	7.9	Đ	Đ	Đ	5.1	6.4	8A2	
10	Lâm Thị Gia Hân	9/8/2008	Nữ	7.2	7.2	7.6	8.1	7.1	8	8	7.3	8.5	8.4	Đ	Đ	Đ	8	7.8	8A2	
11	Nguyễn Thị Hiền	6/12/2008	Nữ	7	8.3	7.1	8.2	7.1	8.5	8.2	7.1	7.5	8.8	Đ	Đ	Đ	8.5	7.8	8A2	
12	Nguyễn Thị Kim Hiếu	29/6/2008	Nữ	6.6	7.5	5.5	7.7	6.3	8.2	7.3	6.3	7.5	8	Đ	Đ	Đ	6.8	7.1	8A2	
13	Nguyễn Đình Huy	8/6/2008	Nam	5.8	7.7	6.5	7.4	6.2	7.5	8.1	6	7.5	8.2	Đ	Đ	Đ	7.6	7.1	8A2	
14	Huỳnh Trọng Hữu	2/7/2008	Nam	4.2	6.3	5.8	7.2	6	7	7.9	5.2	6	7.4	Đ	Đ	Đ	6.3	6.3	8A2	
15	Trần Đăng Khôi	7/9/2008	Nam	8.8	8.3	8.6	8.4	7.7	8.8	9.1	8	8.4	8.8	Đ	Đ	Đ	8.5	8.5	8A2	
16	Đặng Thị Xuân Khởi	9/11/2008	Nữ	6.3	6.2	6	7	6	6.9	6.7	5.3	7.6	7.6	Đ	Đ	Đ	6.2	6.5	8A2	
17	Lâm Tuấn Kiệt	15/9/2008	Nam	8.1	8.1	6.9	8	7	8.3	8.3	7	8.4	8.5	Đ	Đ	Đ	7.2	7.8	8A2	
18	Lý Gia Kim	23/3/2008	Nữ	6.8	7.1	5.6	6.9	5.9	7.1	7	5.8	7.1	8	Đ	Đ	Đ	7	6.8	8A2	
19	Nhịn A Kỳ	27/2/2008	Nam	5	4.8	5.2	7.6	6.3	6.6	6.9	6.6	7.1	7.5	Đ	Đ	Đ	5.6	6.3	8A2	
20	Trần Đạt Hoàng Lâm	30/8/2008	Nam	8.8	8.4	9.1	9.2	8.3	8.6	8.8	8.3	7.9	9.4	Đ	Đ	Đ	9.7	8.8	8A2	
21	Huỳnh Nhật Nam	21/10/2008	Nam	7	7.7	7	7.9	6.8	8.2	8.1	6	6.9	8.7	Đ	Đ	Đ	5.6	7.3	8A2	
22	Lê Trọng Nhân	11/5/2008	Nam	5.5	6.5	5.6	6.9	6.1	7	8	5.8	7.4	7.4	Đ	Đ	Đ	7.6	6.7	8A2	
23	Nguyễn Hoài Nhân	6/9/2008	Nam	4.8	5.9	5.2	7.7	5.6	6.6	6.7	4	7.3	7.4	Đ	Đ	Đ	5.7	6.1	8A2	
24	Hoàng Thị Huỳnh Như	9/5/2008	Nữ	6.5	7.4	6.9	7.5	5.9	6.9	7.6	7.3	8.1	7.2	Đ	Đ	Đ	6.8	7.1	8A2	
25	Nguyễn Thoại Phi	15/8/2008	Nam	5.1	6	6	7.6	6.7	6.6	6.3	4.2	7	6.4	Đ	Đ	Đ	6.8	6.2	8A2	
26	Đỗ Thị Như Phúc	21/1/2008	Nữ	9.4	9	8.8	9.2	9	8.5	9.2	8.7	9.6	9.5	Đ	Đ	Đ	9	9.1	8A2	
27	Nguyễn Hồng Quân	5/9/2008	Nam	7	7.8	8.4	8.5	8.1	8.6	8	6.7	7.9	8.3	Đ	Đ	Đ	7.7	7.9	8A2	
28	Phan Thị Thu Thảo	8/12/2008	Nữ	4.8	6.9	5.4	7.5	6.3	6.1	5.4	5.3	7.1	6.5	Đ	Đ	Đ	5	6	8A2	
29	Phan Huỳnh Chiến Thắng	20/7/2008	Nam	9.4	8.4	8.3	8.9	8	8.4	8.3	7.8	8.2	9.3	Đ	Đ	Đ	8.5	8.5	8A2	

30	Đỗ Thị Huyền Thoại	14/2/2008	Nữ	8	8.5	7.4	8.9	7.9	8.4	8.7	7.5	8.1	9	Đ	Đ	Đ	8.4	8.3	8A2	
31	Đỗ Trần Ngọc Trâm	29/7/2008	Nữ	9.1	8.8	8.6	9.1	9	8.9	9.1	8.8	9.1	9.4	Đ	Đ	Đ	9.3	9	8A2	
32	Lê Nguyễn Bảo Trâm	5/10/2008	Nữ	8.9	8.5	8.7	8.8	7.3	8.1	8.7	8	8.6	9	Đ	Đ	Đ	8.3	8.4	8A2	
33	Lê Quốc Tùng	26/10/2008	Nam	5.7	6.3	5.3	8	6.3	7.3	6.7	5.7	8.1	7.7	Đ	Đ	Đ	6.7	6.7	8A2	
34	Sử Thúy Vy	18/4/2008	Nữ	4.1	5.1	5.4	7.7	5.5	6.7	6.2	5.1	5.9	7	Đ	Đ	Đ	6.8	6	8A2	
35	Phan Tuấn Vỹ	21/7/2008	Nam	3.7	4.9	4.6	7	5.2	7.2	6.5	4.7	7.2	7.4	Đ	Đ	Đ	6	5.9	8A2	

Danh sách này gồm 35 học sinh .

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9A3 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ	GD CD	Công nghệ	GD TC	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	ĐTB môn	Lớp cũ	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	2/7/2008	Nam	7.7	7.5	7.2	8.9	7.6	8.2	8.8	6.6	8.5	8.9	Đ	Đ	Đ	8	8	8A3	
2	Huỳnh Thị Khánh Băng	26/10/2008	Nữ	8.6	8.4	7.9	8.7	7.4	8.2	8.8	7.4	7.8	9	Đ	Đ	Đ	6.8	8.1	8A3	
3	Nguyễn Quang Cảnh	26/8/2008	Nam	8.7	8.7	9	9.6	8.9	8.7	9.1	8.4	8.2	9.3	Đ	Đ	Đ	8.6	8.8	8A3	
4	Võ Ngọc Kim Cương	3/8/2008	Nữ	8.6	8.9	8.6	9.2	7.9	8.1	9.6	8.3	8.5	8.5	Đ	Đ	Đ	8.1	8.6	8A3	
5	Phan Hoàng Đạt	1/2/2008	Nam	8.1	7.6	7.9	8.6	7.1	8.6	8	6.9	7.5	8.5	Đ	Đ	Đ	8.9	8	8A3	
6	Đặng Thị Mỹ Điền	5/6/2008	Nữ	6.1	6.7	6.7	7.5	6.8	7.8	8.5	6.1	7.5	7.2	Đ	Đ	Đ	6.3	7	8A3	
7	Nguyễn Nhật Phú Hào	24/2/2008	Nam	8.4	8	7.2	8.6	7.6	8.1	8.7	7.4	8.8	9	Đ	Đ	Đ	8.9	8.2	8A3	
8	Trương Thị Ngọc Hân	20/11/2008	Nữ	5.5	4.4	5.9	5.6	5.5	5.6	5.4	4.3	6.3	5.6	Đ	Đ	Đ	5.1	5.4	8A3	
9	Võ Trung Hiếu	3/3/2008	Nam	8.2	8.6	8.3	9.1	8	8.9	8.9	8.3	9	8.8	Đ	Đ	Đ	9.4	8.7	8A3	
10	Lê Bảo Huy	9/4/2008	Nam	5.2	5.4	3.7	6.3	5.5	6.8	8.3	4.3	5.8	6.3	Đ	Đ	Đ	6.3	5.8	8A3	
11	Nguyễn Trần Đăng Khoa	28/1/2008	Nam	6.3	6.4	4.8	6.4	6.2	7.4	7.8	6	7.6	6.5	Đ	Đ	Đ	6.2	6.5	8A3	
12	Lê Đăng Khôi	14/1/2008	Nam	6.3	5.9	5.4	7.6	5.9	7.2	7.5	4.8	6	6.3	Đ	Đ	Đ	7.6	6.4	8A3	
13	Lê Hoàng Kiệt	26/11/2008	Nam	5.7	6	5.3	5.9	6	7.2	8	5.2	6.6	7.3	Đ	Đ	Đ	6.7	6.4	8A3	
14	Phan Quốc Kiệt	21/9/2008	Nam	6.2	7	6.5	8.3	7.1	7.9	8.2	6.4	8.2	8.4	Đ	Đ	Đ	8.1	7.5	8A3	
15	Nguyễn Mạnh Kính	8/6/2008	Nam	5.4	6	5.8	8.1	6.9	7.6	7.9	5.2	7.1	6.9	Đ	Đ	Đ	6.2	6.6	8A3	
16	Đào Văn Lạc	25/5/2007	Nam	5.9	6.1	7.2	7.4	6.8	7.7	8.5	4.5	8	8.3	Đ	Đ	Đ	6.7	7	8A3	
17	Lâm Hoàng Long	19/8/2008	Nam	9.3	8	8.1	8.8	7.8	8.5	9.2	7.8	9	8.7	Đ	Đ	Đ	7.9	8.5	8A3	
18	Nguyễn Thị Thúy Ngân	14/1/2008	Nữ	8.8	8.1	8.5	9.4	8.3	8.7	8.8	8.3	8.5	8.8	Đ	Đ	Đ	9.3	8.7	8A3	
19	Trương Tuyết Ngọc	5/3/2008	Nữ	9.7	9.2	9.5	9.4	8.8	9	9.8	9.4	9.1	9	Đ	Đ	Đ	9.2	9.3	8A3	
20	Đỗ Hồng Nhẹ	18/5/2008	Nữ	7.4	6.6	7.2	8.3	7.4	8.1	7.6	6.2	7.3	8	Đ	Đ	Đ	7.4	7.4	8A3	
21	Nguyễn Thị Thảo Nhi	19/11/2008	Nữ	8.1	8.4	7.7	8.6	7.5	8.6	8.5	7	9.2	8.4	Đ	Đ	Đ	7.4	8.1	8A3	
22	Đỗ Ngọc Quỳnh Như	22/1/2008	Nữ	8.8	7.6	8.3	9.1	8.4	8.7	8.9	8	8.2	8.8	Đ	Đ	Đ	8.8	8.5	8A3	
23	Trần Quốc Phong	2/8/2008	Nam	6.9	7	5.4	8.4	7.1	8.2	7.8	5.9	8	7.7	Đ	Đ	Đ	7.4	7.3	8A3	
24	Phạm Nguyễn Gia Phúc	6/8/2008	Nữ	7	7.3	6.5	8.8	7.2	8.3	8.3	6.4	8.2	8.3	Đ	Đ	Đ	6.3	7.5	8A3	
25	Lê Ngọc Quyên	22/3/2008	Nữ	5.5	6.3	4.8	7.9	7.2	7.6	7.8	5.3	8	6.7	Đ	Đ	Đ	5.6	6.6	8A3	
26	Bùi Thị Thanh Thảo	28/8/2008	Nữ	9.5	9	9.2	9.5	8.7	8.9	9.5	9.4	9	9.3	Đ	Đ	Đ	9.3	9.2	8A3	
27	Phan Hoàng Thông	21/11/2008	Nam	6.5	7.2	4.5	7.6	6.3	7.1	8.1	6.3	6.1	7.1	Đ	Đ	Đ	6.8	6.7	8A3	
28	Mai Thanh Thương	15/12/2008	Nam	6.7	6	4	7.2	6.7	7.3	7.6	5.3	6.8	7.5	Đ	Đ	Đ	5.8	6.4	8A3	
29	Sử Ngọc Trâm	31/3/2008	Nữ	8.5	8.1	7.2	9	8	8.1	8.3	7.8	8.9	9	Đ	Đ	Đ	8.4	8.3	8A3	

30	Võ Minh Triết	30/4/2008	Nam	5.8	7.1	6.1	8.2	6.2	7	8.3	5.9	7.1	7.5	Đ	Đ	Đ	7.2	6.9	8A3	
31	Nguyễn Thị Phương Trinh	17/10/2008	Nữ	6.5	7.2	7.2	8.1	5.9	7.7	7.8	6.6	6.8	7.5	Đ	Đ	Đ	6.2	7	8A3	
32	Nguyễn Thanh Tùng	6/4/2008	Nam	5.2	7.1	4.1	8.4	6.3	7.1	7.6	5.4	6.9	8.3	Đ	Đ	Đ	6.4	6.6	8A3	
33	Phạm Võ Tường Vy	11/10/2008	Nữ	6.6	6.7	5.9	7.7	6.8	6.8	7.1	5	7.1	7.3	Đ	Đ	Đ	7.3	6.8	8A3	
34	Vũ Đại Vỹ	8/1/2008	Nam	8.9	8.3	9.5	8.8	7.2	8.3	9	7.6	7.3	8.7	Đ	Đ	Đ	9.6	8.5	8A3	
35	Trần Như Ý	8/9/2008	Nữ	8.2	8.7	7.7	8.7	7.7	7.9	8.8	6.5	8.7	8.3	Đ	Đ	Đ	7.3	8	8A3	
36	Hà Thị Hải Yến	2/12/2008	Nữ	8	6.9	5.4	8	7.2	8	7.7	8	6.8	7.9	Đ	Đ	Đ	6.2	7.3	8A3	

Danh sách này gồm có 36 học sinh.



Sở giáo dục và đào tạo Long An
Đơn vị: Trường THCS & THPT Mỹ Quý

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9A4 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ	GD CD	Công nghệ	GD TC	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	ĐTB môn	Lớp cũ	Ghi Chú
1	Lâm Thị Ngọc Ánh	16/5/2008	Nữ	8.2	7.6	7.6	9.4	8.9	8.9	8.9	8.2	9	8.3	Đ	Đ	Đ	7.2	8.4	8A4	
2	Huỳnh Gia Bảo	1/11/2008	Nam	6.8	6.7	7.4	8.5	8.1	8	6.8	6.8	7.2	7.3	Đ	Đ	Đ	7.2	7.3	8A4	
3	Đặng Văn Bin	17/1/2008	Nam	6	6.7	5.7	7.4	7.2	7.4	8.1	6.4	7.5	7.6	Đ	Đ	Đ	4.8	6.8	8A4	
4	Trần Kim Chi	17/3/2008	Nữ	8.8	8.3	7.8	9.1	8.4	8.6	8.5	8	8.6	8.3	Đ	Đ	Đ	7.1	8.3	8A4	
5	Lê Văn Chương	2/5/2008	Nam	8.4	9.2	8.2	9.3	8.5	8.6	8.6	8.7	7.8	9.1	Đ	Đ	Đ	6.6	8.5	8A4	
6	Đỗ Thị Ngọc Diễm	26/8/2008	Nữ	7.6	6.8	5.7	8.5	7	8.4	8.4	6.6	7.8	8.2	Đ	Đ	Đ	6.5	7.4	8A4	
7	Ngô Nguyễn Thùy Duyên	2/6/2008	Nữ	5.1	4.6	4.3	5.4	5.4	4.9	6.2	4.1	6.2	6.3	Đ	Đ	Đ	5.7	5.3	8A4	
8	Võ Hồng Hà	23/10/2008	Nữ	6.5	6.9	6.3	8.2	7.6	8.2	8.2	6.7	7.4	8.3	Đ	Đ	Đ	6.7	7.4	8A4	
9	Trần Công Hào	30/1/2008	Nam	7.6	7.4	6	8.6	7.1	8	7.8	6.3	8	7.1	Đ	Đ	Đ	6.5	7.3	8A4	
10	Nguyễn Phúc Hậu	21/12/2008	Nam	6.9	6.1	4.6	8.1	6.5	7.7	7.9	5.7	7.5	7.1	Đ	Đ	Đ	5.4	6.7	8A4	
11	Đặng Trọng Hiếu	25/11/2008	Nam	7.9	8.1	7.2	8.3	7.4	7.9	8.7	9.1	7.4	8.5	Đ	Đ	Đ	7.3	8	8A4	
12	Phan Gia Huy	4/7/2008	Nam	6.3	6.7	6.5	8.2	7.3	7.8	8.5	5.9	8.1	7.6	Đ	Đ	Đ	6.8	7.2	8A3	
13	Đoàn Khánh Huyền	7/9/2008	Nữ	9.3	9.2	9.5	9.3	9.2	9	9.3	9.4	9.1	9.4	Đ	Đ	Đ	7.9	9.1	8A4	
14	Nguyễn Thị Như Huỳnh	20/2/2008	Nữ	6.8	7.4	6.2	9.1	8.6	8	7.9	7	8.8	7.9	Đ	Đ	Đ	7.2	7.7	8A4	
15	Nguyễn Gia Hưng	15/11/2008	Nam	5.1	5.7	5	6.5	5.8	7.3	6.3	4	6.9	6.2	Đ	Đ	Đ	6.5	5.9	8A4	
16	Lê Ngọc Đăng Khoa	9/1/2008	Nam	5.7	6.1	4.4	6.8	5.9	7.6	6.3	5.2	6.6	6.8	Đ	Đ	Đ	6.6	6.2	8A4	
17	Bùi Thiệu Kỳ	14/11/2008	Nam	6	6	5.2	6.1	5.8	7.4	7.1	5.1	6.8	6.5	Đ	Đ	Đ	5.2	6.1	8A4	
18	Mang Văn Gia Lạc	11/9/2008	Nam	5.6	4.8	4.5	6.2	5.6	5.5	6.7	4.5	6.7	6.9	Đ	Đ	Đ	5	5.6	8A4	
19	Trần Thị An Lộc	7/1/2008	Nữ	8.7	8.6	7.5	8.5	8.9	8.8	9.2	7.8	8.7	9	Đ	Đ	Đ	7.3	8.5	8A4	
20	Huỳnh Quốc Nhân	6/11/2008	Nam	7.1	7.3	7	8.5	8.4	7	8.6	7.8	8	7.7	Đ	Đ	Đ	7.8	7.7	8A4	
21	Huỳnh Thị Yến Nhi	1/2/2008	Nữ	8	8	6.9	9	8.6	8.6	8.6	7.8	8.6	8.9	Đ	Đ	Đ	7.6	8.2	8A4	
22	Nguyễn Thị Ngọc Như	23/12/2008	Nữ	9.3	9.3	9.4	9.4	9.3	9	9.4	9.6	8.4	9.2	Đ	Đ	Đ	8.5	9.2	8A4	
23	Trương Thuận Phát	18/6/2008	Nam	5.5	5	6	6.6	3.9	5.5	5	4.8	5.3	6.1	Đ	Đ	Đ	5.5	5.4	8A4	
24	Bùi Triệu Phú	23/11/2008	Nam	6.1	6.5	4.7	8.1	6.7	7.1	7.5	5.7	7.2	7.2	Đ	Đ	Đ	6.2	6.6	8A4	
25	Ngô Như Quỳnh	15/6/2008	Nữ	8.9	7.9	8.6	9	7.7	8.2	8.9	7.7	8	8.6	Đ	Đ	Đ	6.9	8.2	8A3	
26	Đào Thanh Tấn	29/4/2008	Nam	6	6.7	5.1	7.8	7.6	8.1	8.2	5.5	7.1	8.2	Đ	Đ	Đ	5.2	6.9	8A4	
27	Nguyễn Ngọc Mai Thanh	10/12/2008	Nữ	6	5.4	4.4	7.4	6.9	8.1	7	5.7	7.1	6.5	Đ	Đ	Đ	6.6	6.5	8A4	
28	Nguyễn Văn Thành	17/1/2008	Nam	6.3	6.6	4.7	6.8	5.7	7.2	6.9	5.8	6.9	7.4	Đ	Đ	Đ	6.3	6.4	8A4	
29	Lý Nghĩa Tình	23/9/2008	Nam	6	5.4	5.1	6.2	5.9	6.9	7.4	4.6	7.2	7.1	Đ	Đ	Đ	5.3	6.1	8A4	

30	Lê Thị Bích Trâm	8/12/2008	Nữ	7.5	5.8	5.2	8	7.6	7.3	7.5	6	7.6	7.6	Đ	Đ	Đ	5.6	6.9	8A4	
31	Nguyễn Minh Triết	5/12/2008	Nam	6.4	6.2	4.7	6.5	5	7.3	6.7	4.8	6.8	6.7	Đ	Đ	Đ	5.6	6.1	8A4	
32	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	11/4/2008	Nữ	6.7	5.5	6.3	6.6	6.2	6.5	7.9	5.5	7.2	7.8	Đ	Đ	Đ	6.1	6.6	8A4	
33	Nguyễn Tấn Vũ	19/8/2008	Nam	5.9	4.3	4.1	5.4	5	5.9	6.3	4.3	6.9	6.1	Đ	Đ	Đ	4.8	5.4	8A4	
34	Trần Ngọc Yến Vy	22/5/2008	Nữ	9.3	8.6	8.9	9.4	9.3	8.9	9	9.1	9.3	9.4	Đ	Đ	Đ	8.1	9	8A4	
35	Nguyễn Thị Cẩm Y	21/10/2008	Nữ	5	4.2	4	5.3	5.5	6.1	5.8	4.3	5.3	6.5	Đ	Đ	Đ	5.5	5.2	8A4	
36	Phan Trung Lập	22/7/2007	Nam	4.5	5.1	4	6	5	5.6	6.9	4.8	6.2	6.2	Đ	Đ	Đ	3.9	5.3	8A4	

Danh sách này gồm có 36 học sinh .